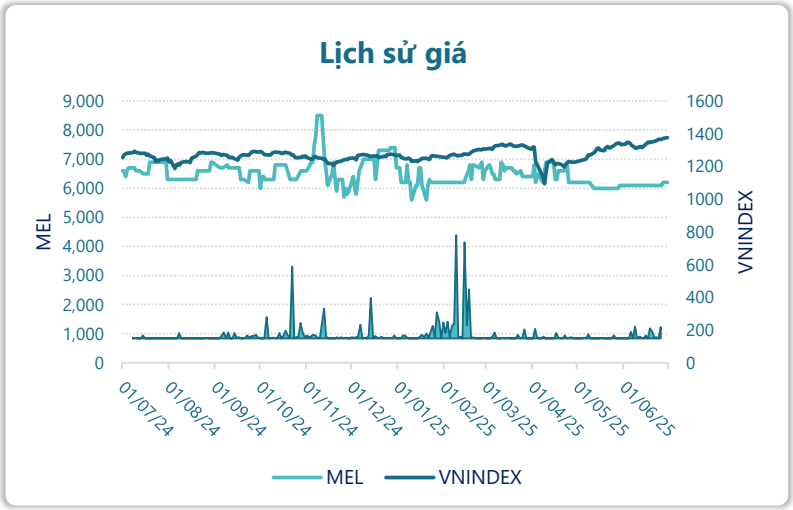
FireAnt

CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,600
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	93
P/E	7.4
EPS	841

DT thuần

Q2/25

161

tỷ VNĐ

QoQ: ▼55.0| -25.3%

YoY: ▲ 3.00| 2.2%

LN sau thuế

Q2/25

6.49

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.39| 490%

YoY: ▲ 4.64| 251%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

8.8%

+/- YoY: ▲ 3.0%

DT thuần

6T 2025

378

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 50.0| 15.0%

LN sau thuế

6T 2025

7.59

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.51| 147%

ROE

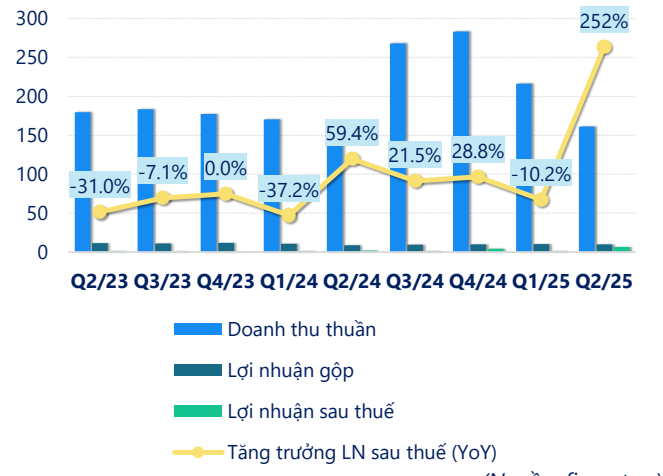
Q2/25

4.8%

+/- YoY: ▲ 3.1%

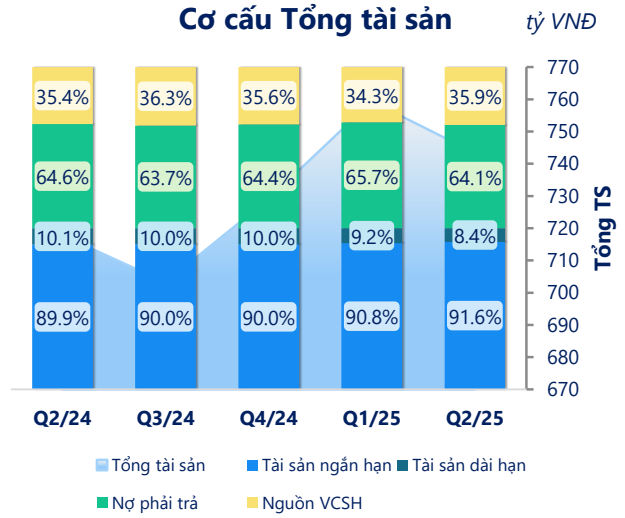
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



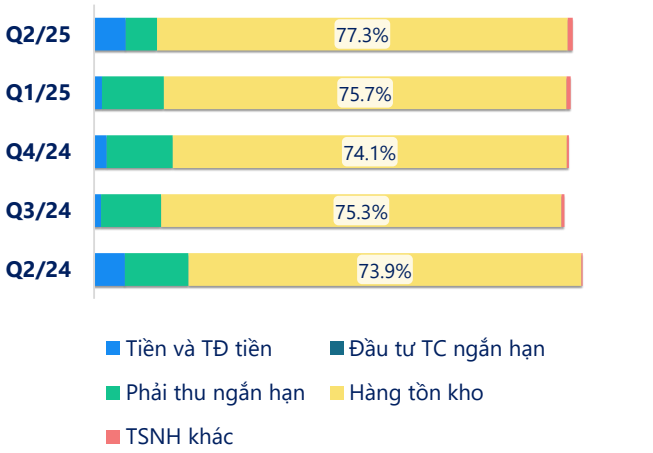
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



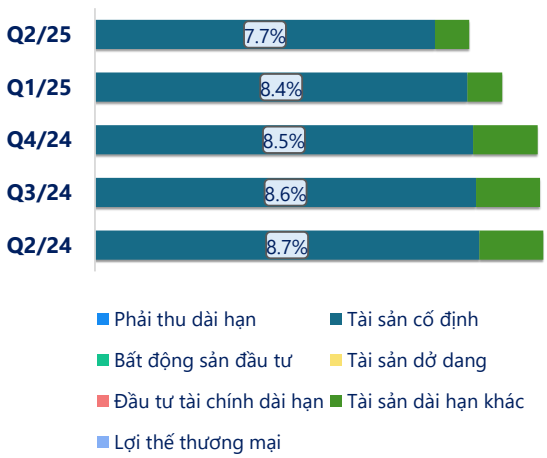
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



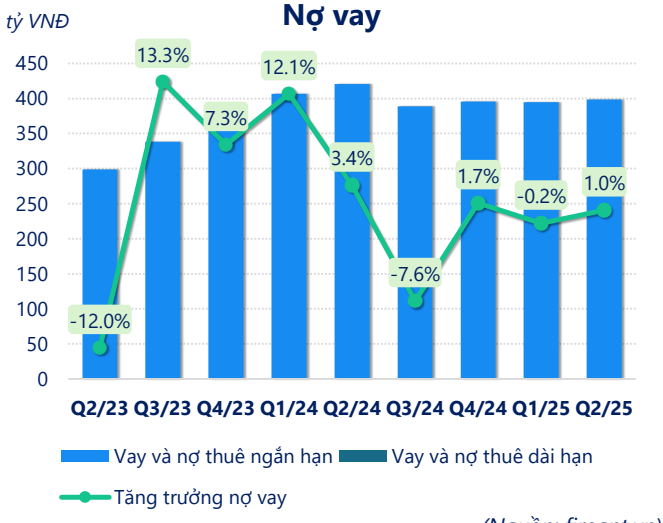
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



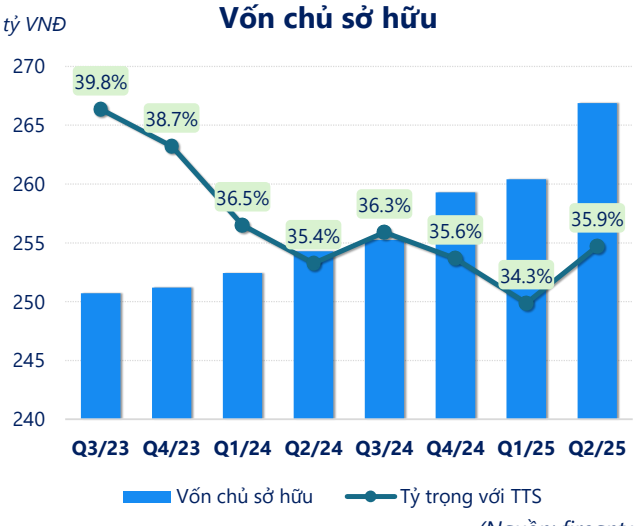
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



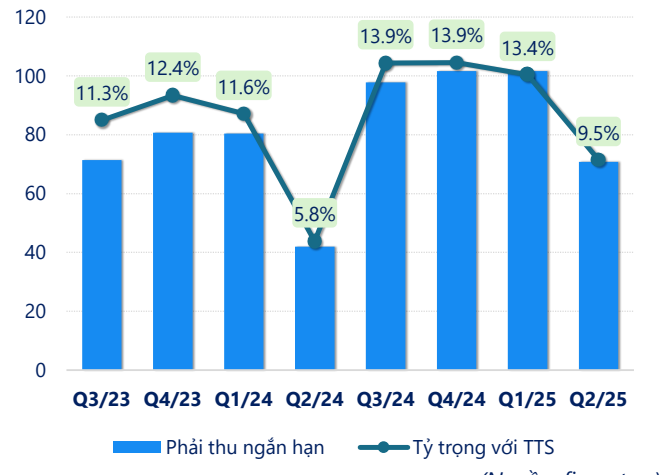
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



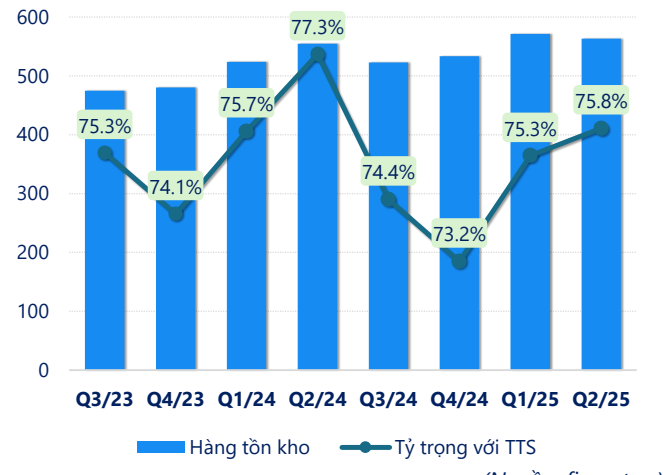
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



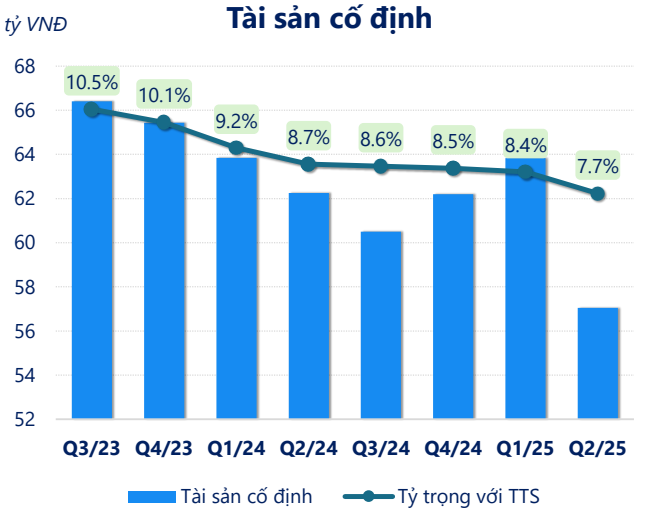
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



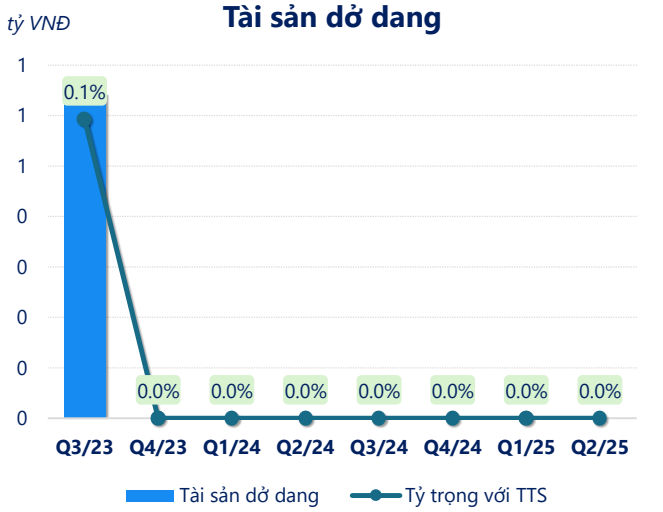
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



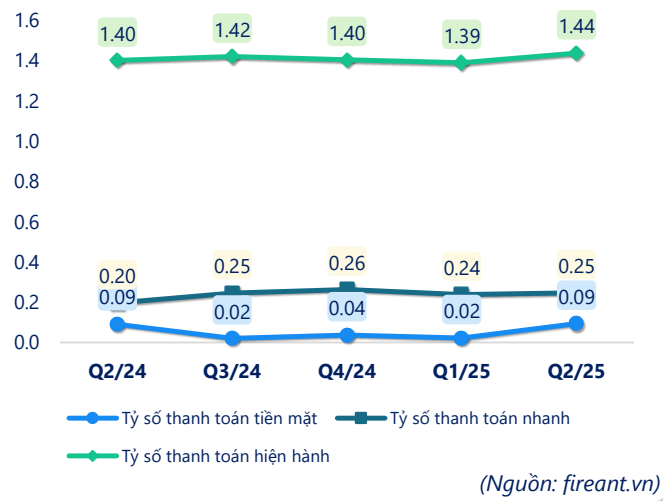
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



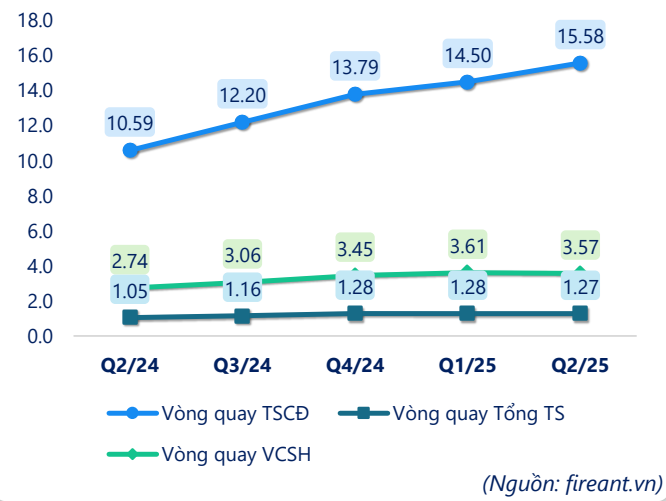
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**718**	**703**	**729**	**759**	**743**
Tài sản ngắn hạn	**645**	**633**	**656**	**690**	**681**
Tiền và tương đương tiền	41.7	9.09	17.2	11.3	44.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	41.9	97.8	102	102	70.8
Hàng tồn kho	555	523	533	571	563
Tài sản ngắn hạn khác	6.97	2.53	4.07	5.18	1.83
Tài sản dài hạn	**72.6**	**70.6**	**72.8**	**69.8**	**62.8**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	62.2	60.5	62.2	63.8	57.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	10.4	10.1	10.6	5.99	5.71
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**463**	**448**	**470**	**499**	**476**
Nợ ngắn hạn	**460**	**445**	**467**	**496**	**473**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	421	389	395	395	399
Phải trả người bán ngắn hạn	37.3	50.4	67.8	96.8	66.9
Nợ dài hạn	3.01	2.75	2.66	2.87	3.07
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**254**	**255**	**259**	**260**	**267**
Vốn chủ sở hữu	**254**	**255**	**259**	**260**	**267**
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)